

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2019/HS-ST.**

Ngày: 19/03/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Cần

Ông Vũ Đức Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Thắng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Văn Q- sinh ngày: 17/6/2000

Nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Bùi Minh Q – Sinh năm 1974 và bà: Bùi Thị Th – Sinh năm 1980; Anh (chị) em ruột: gồm 02 người, nhỏ nhất sinh năm 2007, bị cáo là người lớn nhất trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Anh Lê Hùng A – sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Duy Phương – Sinh năm 1987 (vắng mặt)

- Bà Bùi Thị Th – Sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Q và Lê Hùng A có quen biết với nhau từ trước, Q thường đến nhà Hùng A chơi nên biết Hùng A sống một mình, có nhiều tiền để trong thẻ ngân hàng Vietcombank (thẻ ATM) và một điện thoại Iphone 6S plus nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân.

Vào khoảng 19 giờ ngày 07/11/2018, Q đến nhà Hùng A thì không có ai ở nhà, Q đi vào phòng ngủ thì phát hiện có 01 cuốn sổ trong đó có ghi mật khẩu điện thoại và mật khẩu thẻ ATM của Hùng A. Sau đó Q đi ra lấy chìa khóa cửa chính (cửa nhà của Hùng A) rồi đi đến tiệm cắt sửa chìa khóa làm thêm một chìa khóa nữa, rồi quay lại nhà Hùng A trả lại chìa khóa ở vị trí ban đầu.

Khoảng 18 giờ, ngày 09/11/2018 Q điều khiển xe mô tô biển số 17K9-1770 (xe của mẹ Q là Bùi Thị Th mua nhưng chưa sang tên) từ Rạch Giá đến tiệm Internet của ông Chín Dân tại ấp Phước Tân, xã Mỹ Phước để chơi game, tại đây Q nhắn tin hỏi Hùng A “nay có đi chơi không” thì Hùng A trả lời “có” (hằng ngày Hùng A thường đi chơi game ở chợ Đập Đá thuộc ấp Phước Tân, xã Mỹ Phước khoảng từ 18 giờ đến 22 giờ) nên Q ngồi chơi game đợi đến khoảng 23 giờ cùng ngày Q đến nhà Hùng A để trộm điện thoại và thẻ ATM. Khi đến gần nhà Hùng A thì Q dừng xe lại và dấu xe vào trong bụi tre (cách khoảng 7 mét). Q đi vào và dùng chìa khóa làm từ trước rồi mở cửa chính và lấy một điện thoại Iphone 6S plus của Hùng A đang sạc pin, một thẻ ATM ngân hàng Vietcombank (trong tài khoản có 31.227.772 đồng) và 1.000.000 đồng tiền mặt.

Sau đó, Q điều khiển xe đến thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đến khoảng 01 giờ ngày 10/11/2018 Q đến máy ATM của ngân hàng Vietcombank trên đường T thuộc phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang để rút số tiền 11.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết tiền, đến khoảng 01 giờ ngày 11/11/2018 Q tiếp tục đến máy ATM trên đường 3/2 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang để rút tiền nhưng không rút được (do Hùng A phát hiện mất tài sản nên đã báo ngân hàng khóa tài khoản lại), Q không rút được tiền nên khi đi ngang qua cầu 3/2 thì vứt bỏ thẻ ATM xuống sông. Đến ngày 15/11/2018 Q đem chiếc điện thoại Iphone 6 plus (điện thoại lấy trộm của Hùng A) bán cho Lê Duy P (chủ cửa hàng điện thoại D, địa chỉ ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang) được số tiền 4.500.000 đồng, Q tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, đến 08 sáng ngày 10/11/2018 anh Lê Hùng A đến công an xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang trình báo sự việc, Ngày 18/11/2018, Công an huyện H đã mời Q lên làm việc, tại cơ quan công an Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 57/KL-ĐGTS ngày 06/12/2018 của Hội đồng thẩm định giá trong tố tụng hình sự huyện H đã kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6S plus, màu xám bạc trị giá còn lại là: 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 17/CT – VKS, ngày 25/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Bùi Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất, cùng số tiền tổng cộng là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), Tại phiên tòa hôm nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với anh Lê Duy Ph (chủ cửa hàng điện thoại D) đã mua điện thoại của Q với số tiền 4.500.000 đồng; Anh P không biết đây là tài sản do Q trộm cắp mà có, gia đình Q đã bồi thường trả lại cho anh P số tiền trên, nay anh P cũng không có

yêu cầu gì thêm nên đề nghị hội đồng xét xử miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả lại tài sản là 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6S plus cho Lê Hùng A là chủ sở hữu; Trả lại cho bà Bùi Thị Th 01 (một) xe mô tô hiệu VINA MOTO, loại xe nữ, màu đỏ đen biển số 17K9-1770 và một giấy đăng ký mô tô, do bà Th không biết việc Quý sử dụng tài sản của mình để đi trộm cắp tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố được công bố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Bị cáo đã biết việc làm của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà viện kiểm sát đã truy tố như sau: Vào khoảng 23 giờ ngày 09/11/2018, Bùi Văn Q lợi dụng đêm tối, đột nhập vào nhà anh Lê Hùng A ở ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang trộm cắp tài sản là một điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu xám trị giá 5.800.000 đồng, và 1.000.000 đồng tiền mặt, một thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Lê Hùng A (trong tài khoản có 31.227.772 đồng), Q đã rút 11.000.000 trong tài khoản. Tổng trị giá tài sản mà Q trộm cắp là 17.800.000 đồng

Lời khai của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người người bị hại, và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Văn Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn

Đất đã truy tố bị cáo Bùi Văn Q là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn Q là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi và trí tuệ, bị cáo phải hiểu biết rằng quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm. Nhưng do lười biếng không chịu lao động, không chịu làm ăn chân chính để tạo ra của cải vật chất mà tìm kiếm xem ai có tài sản quản lý sơ hở thì trộm cắp lấy tiền nhằm thỏa mãn cho bản thân, từ đó dẫn đến bị cáo phạm tội như ngày hôm nay. Hậu quả từ hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây tác động xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo giáo dục bị cáo sống biết tuân thủ pháp luật, làm một người công dân tốt, qua đó cũng nhằm mục đích răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất là chiếc điện thoại Iphone 6Plus, cùng số tiền bồi thường tổng cộng là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Duy P đã nhận lại số tiền 4.500.000 đồng; Nay người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả lại tài sản là 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6S plus trả lại cho Lê Hùng A là chủ sở hữu; Trả lại cho bà Bùi Thị Th01 (một) xe mô tô hiệu VINA MOTO, loại xe nữ, màu đỏ - đen biển số 17K9-1770 và một giấy đăng ký mô

tôBKS 17K9-1770 là phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q03 (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí án phí Tòa án;

Bị cáo Bùi Văn Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Hòn Đất
- Cơ quan CSĐT CA huyện Hòn Đất
- Nhà tạm giữ CA huyện Hòn Đất
- Chi cục THA DS huyện Hòn Đất
- Sở Tư pháp
- Bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Tấn